QUỐC HỘI

Luật số: .../2026/QH16

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 131/2025/QH15 và Luật số 11/2026/QH16.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 như sau:

"2. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp và về quyền đối với giống cây trồng.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả và quyền liên quan.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Chính phủ quy định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các cấp.".

2. Bổ sung khoản 1a và khoản 1b vào sau khoản 1 của Điều 97 như sau:

"1a. Bên nhận chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp hoặc bên chuyển nhượng (là chủ văn bằng bảo hộ) có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sau đây trên văn bằng bảo hộ với điều kiện phải nộp phí, lệ phí:

a) Thay đổi thông tin về chủ văn bằng bảo hộ do chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp;

b) Thay đổi thông tin danh mục hàng hóa, dịch vụ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu của bên chuyển nhượng do chuyển nhượng một phần danh mục hàng hóa, dịch vụ.

1b. Trường hợp yêu cầu sửa đổi thông tin văn bằng bảo hộ theo quy định tại điểm b khoản 1a Điều này hợp lệ, bên nhận chuyển nhượng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tương ứng với phần danh mục hàng hóa, dịch vụ được chuyển nhượng.".

3. Sửa đổi khoản 2 và bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 138 như sau:

"2. Việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp). Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp có hiệu lực giữa các bên theo thỏa thuận và theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Đối với các loại quyền sở hữu công nghiệp được xác lập trên cơ sở đăng ký theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 của Luật này, việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp có hiệu lực kể từ thời điểm việc sửa đổi thông tin văn bằng bảo hộ được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận theo quy định tại khoản 1a Điều 97 của Luật này. Bên nhận chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp có quyền của chủ sở hữu theo quy định của Luật này kể từ thời điểm việc chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định tại khoản này.".

4. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 4 Chương X như sau:

"**Mục 4. ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 148 như sau:

"**Điều 148. Hiệu lực của hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp**

1. Đối với các loại quyền sở hữu công nghiệp được xác lập trên cơ sở đăng ký theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 của Luật này, hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp có hiệu lực theo thỏa thuận giữa các bên.

2. Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp tại khoản 1 Điều này, trừ hợp đồng sử dụng nhãn hiệu, phải đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mới có giá trị pháp lý đối với bên thứ ba.

3. Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp mặc nhiên bị chấm dứt hiệu lực nếu quyền sở hữu công nghiệp của bên giao bị chấm dứt.".

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 150 như sau:

"**Điều 150. Xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp**".

Chính phủ quy định về hồ sơ đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, trình tự, thủ tục tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.".

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 165 như sau:

"7. Chính phủ quy định chi tiết việc kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; ghi nhận, ghi nhận lại, xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chương trình đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng".

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 5 của Điều 170 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Bằng bảo hộ giống cây trồng tự động bị đình chỉ hiệu lực kể từ ngày bắt đầu năm hiệu lực đầu tiên mà lệ phí để duy trì hiệu lực không được nộp. Cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng công bố việc đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng trên Công báo về giống cây trồng trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày hiệu lực của Bằng bảo hộ giống cây trồng bị tự động đình chỉ.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Bằng bảo hộ giống cây trồng đã bị đình chỉ hiệu lực theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được phục hồi hiệu lực khi lý do bị đình chỉ đã được khắc phục.".

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 172 như sau:

"1. Chủ Bằng bảo hộ, bên nhận chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng thay đổi, sửa chữa sai sót liên quan đến tên và địa chỉ của chủ Bằng bảo hộ, bao gồm cả trường hợp thay đổi thông tin chủ Bằng bảo hộ do chuyển nhượng quyền, với điều kiện phải nộp phí, lệ phí. Trong trường hợp những sai sót này là do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng phải sửa chữa, chủ Bằng bảo hộ không phải nộp phí, lệ phí.".

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 173 như sau:

"**Điều 173. Công bố quyết định liên quan đến Bằng bảo hộ giống cây trồng**

Quyết định về việc cấp, cấp lại, đình chỉ, hủy bỏ, phục hồi, sửa đổi Bằng bảo hộ giống cây trồng được cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng công bố trên Công báo về giống cây trồng trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày ra quyết định.".

11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 174 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

"1. Đơn đăng ký bảo hộ bao gồm các tài liệu về đối tượng yêu cầu bảo hộ giống cây trồng và các tài liệu khác liên quan.

2. Đơn đăng ký bảo hộ và các giấy tờ giao dịch giữa người đăng ký và cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng phải được làm bằng tiếng Việt, trừ một số tài liệu có thể được làm bằng ngôn ngữ khác nhưng phải được dịch ra tiếng Việt khi có yêu cầu.";

b) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

"5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.".

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 175 như sau:

"1. Đơn đăng ký bảo hộ chỉ được cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng tiếp nhận khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.".

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 176 như sau:

"3. Đơn đăng ký bảo hộ không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này được coi là đơn hợp lệ về hình thức và được công bố theo quy định tại Điều 177 của Luật này. Ngày đơn được chuyển để công bố là ngày đơn được coi là hợp lệ về hình thức.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết việc thẩm định hình thức đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng.".

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 177 như sau:

"Điều 177. Công bố đơn đăng ký bảo hộ

1. Đơn đăng ký bảo hộ hợp lệ về hình thức được cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng công bố trên Công báo về giống cây trồng trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày đơn được coi là hợp lệ.

2. Nội dung công bố đơn đăng ký bảo hộ trên Công báo về giống cây trồng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.".

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 của Điều 178 như sau:

"2. Khảo nghiệm kỹ thuật là tiến hành các biện pháp đánh giá cần thiết nhằm xác định tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cây trồng (khảo nghiệm DUS).

Việc khảo nghiệm kỹ thuật do người đăng ký tự thực hiện hoặc tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, bao gồm cả cơ quan bảo hộ giống cây trồng của thành viên Công ước về Bảo hộ giống cây trồng mới.

Cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng có thể sử dụng kết quả khảo nghiệm kỹ thuật đã có trước đó.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết việc khảo nghiệm kỹ thuật, sử dụng kết quả khảo nghiệm kỹ thuật và việc thẩm định nội dung đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng.".

16. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 179 như sau:

"3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.".

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 182 như sau:

"**Điều 182. Từ chối cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng**

Đơn đăng ký bảo hộ bị từ chối cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng trong các trường hợp sau đây:

1. Có cơ sở để khẳng định rằng đối tượng nêu trong đơn không đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo hộ.

2. Có cơ sở để khẳng định rằng người nộp đơn không có quyền đăng ký bảo hộ giống cây trồng.

3. Đơn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 166 của Luật này mà người nộp đơn không phải là người đăng ký hợp lệ sớm nhất.

4. Đơn thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 166 của Luật này mà người nộp đơn không phải là người đầu tiên chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng hoặc đầu tư cho chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng.

5. Đơn bị coi là không hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 176 của Luật này.".

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 185 như sau:

"**Điều 185. Tác giả và quyền của tác giả giống cây trồng**

1. Tác giả giống cây trồng là người trực tiếp chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng mới; trường hợp có hai người trở lên cùng nhau trực tiếp chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng mới thì họ là đồng tác giả.

2. Tác giả giống cây trồng có các quyền sau đây:

a) Được ghi tên với danh nghĩa là tác giả trong Bằng bảo hộ giống cây trồng, Sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ và trong các tài liệu công bố về giống cây trồng;

b) Nhận thù lao theo quy định tại Điều 191 của Luật này.".

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 187 như sau:

"**Điều 187. Mở rộng quyền của chủ bằng bảo hộ**

1. Quyền của chủ bằng bảo hộ được mở rộng đối với các giống cây trồng sau đây:

a) Giống cây trồng có nguồn gốc chủ yếu từ giống cây trồng được bảo hộ, trừ trường hợp bản thân giống cây trồng được bảo hộ là giống có nguồn gốc chủ yếu từ một giống cây trồng khác (sau đây gọi là giống cây trồng ban đầu);

b) Giống cây trồng không khác biệt rõ ràng với giống cây trồng đã được bảo hộ;

c) Giống cây trồng mà việc sản xuất đòi hỏi phải sử dụng lặp lại giống cây trồng đã được bảo hộ.

2. Giống cây trồng được coi là có nguồn gốc chủ yếu từ một giống cây trồng ban đầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nguồn gốc chủ yếu từ giống ban đầu hoặc từ một giống mà bản thân giống đó có nguồn gốc chủ yếu từ giống ban đầu, đồng thời vẫn giữ lại biểu hiện của các tính trạng chủ yếu thu được từ kiểu gen hoặc sự kết hợp các kiểu gen của giống ban đầu;

b) Khác biệt rõ ràng với giống ban đầu;

c) Ngoại trừ các khác biệt là kết quả của quá trình tạo ra giống có nguồn gốc chủ yếu, giống đó vẫn giữ lại biểu hiện của các tính trạng chủ yếu thu được từ kiểu gen hoặc tổ hợp kiểu gen của giống ban đầu.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết việc xác định giống cây trồng có nguồn gốc chủ yếu từ giống được bảo hộ.".

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 194 như sau:

"1. Chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng là việc chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng chuyển giao toàn bộ quyền đối với giống cây trồng đó cho bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng trở thành chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng ghi nhận thông tin về việc sửa đổi Bằng bảo hộ giống cây trồng theo quy định tại Điều 172 của Luật này.".

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 201 như sau:

"Điều 201. Giám định về sở hữu trí tuệ

1. Giám định về sở hữu trí tuệ là việc cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự hoặc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật sử dụng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn để đánh giá, kết luận về chuyên môn đối với những vấn đề có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Việc giám định tư pháp về sở hữu trí tuệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp.

2. Giám định về sở hữu trí tuệ bao gồm:

a) Giám định về quyền tác giả và quyền liên quan;

b) Giám định về quyền sở hữu công nghiệp;

c) Giám định về quyền đối với giống cây trồng.

3. Nguyên tắc thực hiện giám định bao gồm:

a) Tuân thủ pháp luật, tuân theo trình tự, thủ tục giám định.

b) Trung thực, chính xác, khách quan, vô tư, kịp thời.

c) Chỉ kết luận về chuyên môn những vấn đề trong phạm vi được yêu cầu.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định.

đ) Chi phí giám định được xác định theo thỏa thuận giữa người có yêu cầu giám định và tổ chức, cá nhân giám định.

4. Tổ chức, cá nhân giám định về sở hữu trí tuệ phải thông báo bằng văn bản thông tin về tên, địa chỉ, định danh cá nhân, tổ chức giám định, lĩnh vực giám định cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu hoạt động hoặc cung cấp dịch vụ giám định. Tổ chức, cá nhân giám định chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin do mình cung cấp. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố các thông tin này (trừ thông tin về định danh cá nhân) trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Trường hợp có sự thay đổi đối với các thông tin đã được thông báo, tổ chức, cá nhân giám định phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi thông tin. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố thông tin thay đổi (trừ thông tin về định danh cá nhân) theo văn bản thông báo của tổ chức cá nhân, giám định hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền yêu cầu giám định về sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có quyền yêu cầu giám định về sở hữu trí tuệ khi giải quyết vụ việc mà mình đang thụ lý. Kết luận giám định là một trong các nguồn chứng cứ để cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết vụ việc. Kết luận giám định không kết luận về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc kết luận về vụ tranh chấp.

6. Chính phủ quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân giám định, nguyên tắc thực hiện giám định và hoạt động giám định sở hữu trí tuệ.".

22. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ *"tạp chí chuyên ngành về giống cây trồng"* bằng cụm từ *"Công báo về giống cây trồng"* tại Điều 181;

b) Thay thế cụm từ "*đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp*" tại khoản 2 Điều 98, khoản 1 Điều 119a bằng cụm từ "*đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp*";

c) Bãi bỏ cụm từ "trực thuộc Trung ương" tại khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 196.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ, hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đã được nộp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ. Đối với hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đã nộp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp có hiệu lực kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra quyết định ghi nhận đăng ký hợp đồng chuyển nhượng đó.

2. Hồ sơ yêu cầu sửa đổi Bằng bảo hộ giống cây trồng, hồ sơ đăng ký chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng đã được nộp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ. Đối với hồ sơ đăng ký chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng đã nộp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, việc chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng có hiệu lực kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng tiếp nhận hồ sơ đăng ký chuyển nhượng hợp lệ.

3. Trường hợp có nhu cầu, cá nhân giám định được tiếp tục sử dụng Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đến hết thời hạn của Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ đó.

4. Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng, đơn trong các thủ tục khác liên quan đến quyền đối với giống cây trồng đã được nộp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn. Đối với đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng, đơn trong các thủ tục khác liên quan đến quyền đối với giống cây trồng đã được tiếp nhận trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý bởi cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận chức năng quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng hoặc được phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quyền đối với giống cây trồng theo quy định pháp luật có liên quan.

5. Mọi quyền và nghĩa vụ theo Bằng bảo hộ giống cây trồng được cấp theo quy định của pháp luật có hiệu lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và các thủ tục duy trì, sửa đổi, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu liên quan đến Bằng bảo hộ đó được áp dụng theo quy định của Luật này, trừ quy định về căn cứ hủy bỏ hiệu lực Bằng bảo hộ thì áp dụng quy định của văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm cấp Bằng bảo hộ.

6. Các tổ chức đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ghi nhận là tổ chức giám định hoặc cá nhân đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành không phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp có sự thay đổi thông tin.

7. Các tổ chức, cá nhân đã hoạt động hoặc cung cấp dịch vụ giám định sở hữu trí tuệ kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 theo quy định của Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 6 Điều này, thực hiện nghĩa vụ thông báo theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Luật này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ hai thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn